

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	7.9%	171.3%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	24.1%	-	-7.1%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	31.8%	-	1.0%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	9.0%	174.3%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	14.0%	-	17.3%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	2.3%	36.5%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	18.3%	35.7%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	116.0%	142.4%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	8.6%	75.6%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	67.5%	193.9%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	16.8%	-	120.4%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	17.5%	49.4%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	20.4%	55.6%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	9.8%	80.8%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	1.4%	-	20.0%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	-	0.2%	45.4%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
TNG	24/08/21	27,500 - 29,000	38,000	26,000	1:3	-2.1%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	11.7%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	14.2%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	29.3%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	20.5%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	52.7%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	70.1%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	23.6%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	31.4%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	55.5%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-17.9%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	15.5%
SMC*	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	35.8%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	28.5%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	19.9%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	43.4%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	26.7%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	0.1%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-14.0%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	1.0%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	2.5%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-7.0%

TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	94.0%
GAS	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	8.5%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	48.5%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	23.3%
SAM	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	12.4%
LAF	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	3.4%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	42.6%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	7.6%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	64.5%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	93.7%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	183.8%
DRI*	20/10/20	4,730 - 5,230	10,230	3,930	1:4	163.7%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500
CEO	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường mở cửa tích cực nhưng không thể tiếp tục tăng mà sau đó dần suy yếu và trở về tham chiếu vào cuối buổi sáng, rồi lại bật lên để tăng cho đến cuối buổi chiều, trước khi một lần nữa suy yếu và trở về tham chiếu vào cuối ngày.

Tương quan tăng giảm nghiêng về phía giảm trên toàn thị trường cũng như trong các nhóm vốn hóa vừa và nhỏ, trong khi cân bằng nếu xét trong nhóm vốn hóa lớn. Bộ đôi VIC, VHM sau những phiên chịu áp lực thì đã trở lại và hỗ trợ tích cực cho VNINDEX, cùng với MWG, GAS, TPB, CTG... Trong khi ở chiều ngược lại, MSN, DGC, VNM, VIB, TCB... là những cái tên tác động tiêu cực nhất đến chỉ số chung.

Nhóm Ngân hàng nhìn chung phân hóa và cũng không có biến động quá mạnh để ảnh hưởng nhiều đến thị trường. Trong khi Bất động sản, Tiện ích, và phần nào đó là Chứng khoán, là những nhóm ngành có diễn biến tích cực đáng kể.

Nhiều cổ phiếu vốn hóa nhỏ tăng nóng và mang tính đầu cơ cao có phiên giao dịch tiêu cực.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 23/09/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và cao hơn mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày cao hơn nhiều ngày liền trước và cao hơn trung bình.

⇒ Nhóm vốn hóa lớn cũng như Nhóm Ngân hàng có ngày giao dịch nhìn chung cân bằng, phân hóa và mang tính hỗ trợ cho thị trường chung. Trong khi đó, áp lực lớn là có thể thấy rõ ở các cổ phiếu vốn hóa nhỏ, đây cũng là nhóm có khối lượng giao dịch chiếm tỉ trọng lớn nhất trên toàn thị trường trong ngày. Nhóm vốn hóa vừa chứng kiến áp lực bớt dữ dội hơn nhưng nhìn chung cũng có phiên giao dịch suy yếu. Như đã đề cập trong nhận định ngày liền trước thì trạng thái giằng co hiện tại đã chưa thể chấm dứt. Dù vậy thì với việc dòng tiền (dù không quá lớn) có dấu hiệu rút khỏi các cổ phiếu vốn hóa nhỏ (và một phần trong đó mang tính

đầu cơ cao) thì có thể kì vọng nó sẽ chảy sang hai nhóm vốn hóa còn lại trên thị trường, nhưng mức độ tác động dù có xảy ra cũng là chưa thể biết trước.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,200
	1,310 – 1,320
Kháng cự	1,350 – 1,380
	1,420

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS

Tổng Công ty Khí Việt Nam – GAS VN

PV GAS và Công ty Đầu tư AES vừa ký kết thỏa thuận liên doanh thành lập và vận hành Công ty TNHH Kho cảng LNG Sơn Mỹ. Dự án Kho cảng LNG Sơn Mỹ nằm trong chuỗi dự án điện khí LNG tại tỉnh Bình Thuận, có tổng vốn đầu tư dự kiến là 1,31 tỷ USD, với công suất kho cảng là 3,6 triệu tấn/năm (cho giai đoạn 1 và lên đến 9 triệu tấn vào giai đoạn tiếp theo). Kho cảng sẽ tiếp nhận, xử lý và cung cấp khí LNG tái hóa làm nhiên liệu cho 2 nhà máy điện Sơn Mỹ 1 và Sơn Mỹ 2, dự kiến được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2025.

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG – TNG VN

Ngày 1/10 tới đây, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (mã chứng khoán: TNG) sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020. Tỷ lệ là 8%, tương ứng cổ đông sở hữu mỗi 100 cổ phiếu sẽ được nhận 8 cổ phiếu mới. Trước đó, TNG dự kiến sẽ chốt quyền trả cổ tức vào ngày 28/9/2021, tuy nhiên HĐQT đã quyết định rời ngày sang 1/10 trong thông báo mới nhất.

CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh – HCM VN

Ngày 22/9/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC, HoSE: HCM). Theo kế hoạch, HCM dự kiến chào bán 152,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn 50%. Giá chào bán là 14.000 đồng/cp, tương ứng với lượng vốn cần huy động 2.135 tỷ đồng.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
ADG	HSX	Niêm yết bổ sung 1.888.765 cp		24/09/2021	24/09/2021
DQC	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (500 đ/cp)	24/09/2021	27/09/2021	31/03/2022
NQB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (155đ/cp)	24/09/2021	27/09/2021	11/10/2021
TVH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.434đ/cp)	24/09/2021	27/09/2021	27/10/2021
TS4	Upcom	Giao dịch 16.160.646 cổ phiếu đăng ký giao dịch	24/09/2021	24/09/2021	24/09/2021
VIC	HSX	Giao dịch 422.784.201 cp niêm yết bổ sung		20/09/2021	24/09/2021
PSB	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	24/09/2021	27/09/2021	24/09/2021
TCO	HSX	ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2021			25/09/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

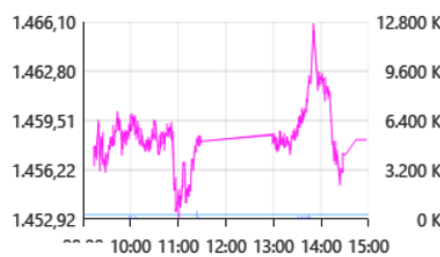
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,352.76	0.15%	2.08	997.61	23,304.5	143	50	253
Vn30 - Index	1,458.23	0.34%	5.01	147.58	7,390.6	14	3	13
Vn - Mid	1,714.71	-0.74%	-12.82	317.69	8,381.3	20	8	42
VN - Small	1,689.53	-1.27%	-21.79	347.83	5,443.4	50	16	126
HNX - Index	361.02	-0.66%	-2.41	198.81	3,373.0	91	46	199
Upcom - Index	98.37	0.74%	0.72	136.32	2,308.2	196	64	132

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

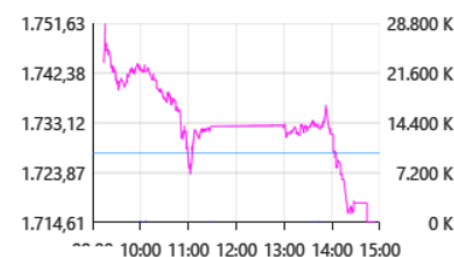
VN-INDEX



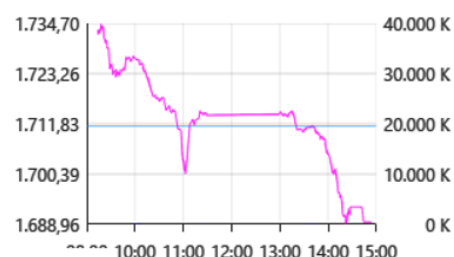
VN30



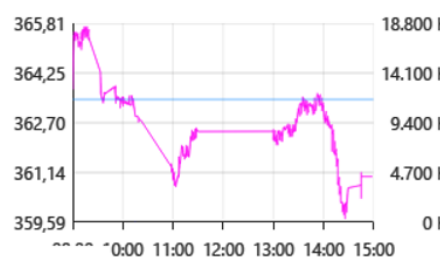
VN-MID



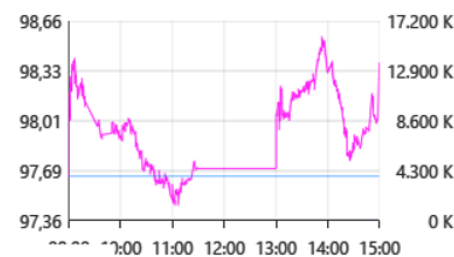
VN-SMALL



HNX-INDEX



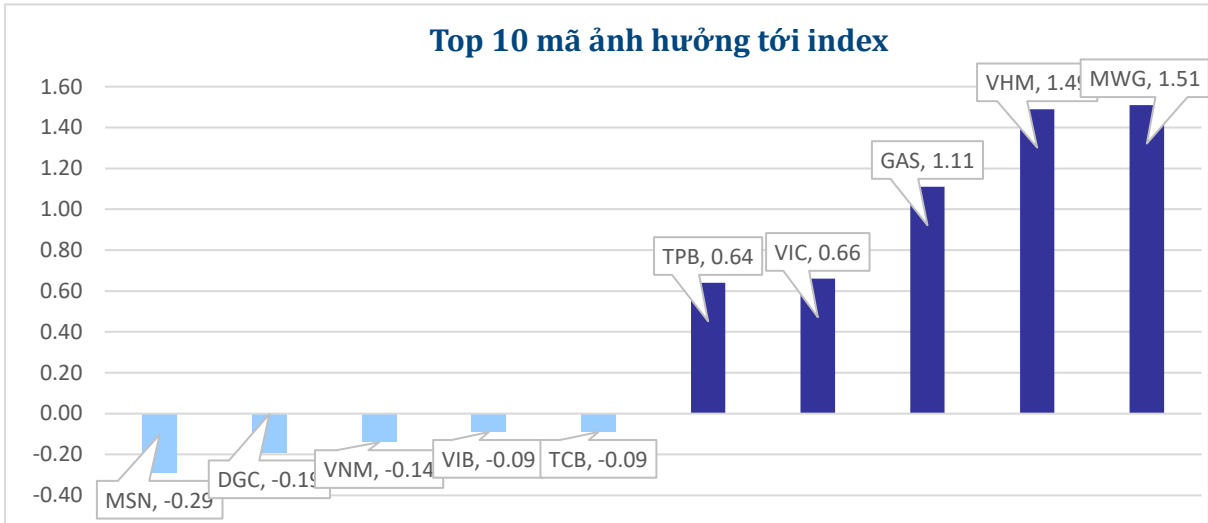
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	23,304.50	22.81%	997.61	27.96%
HNX	3,373.00	1.26%	198.81	9.74%

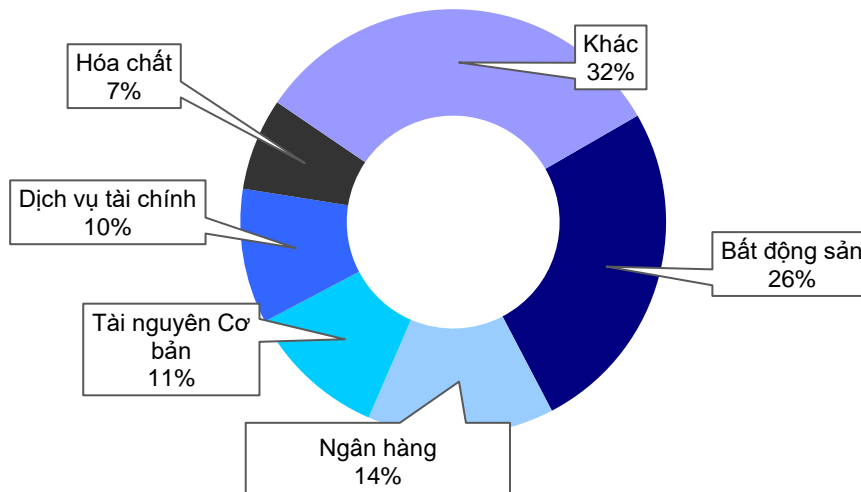
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

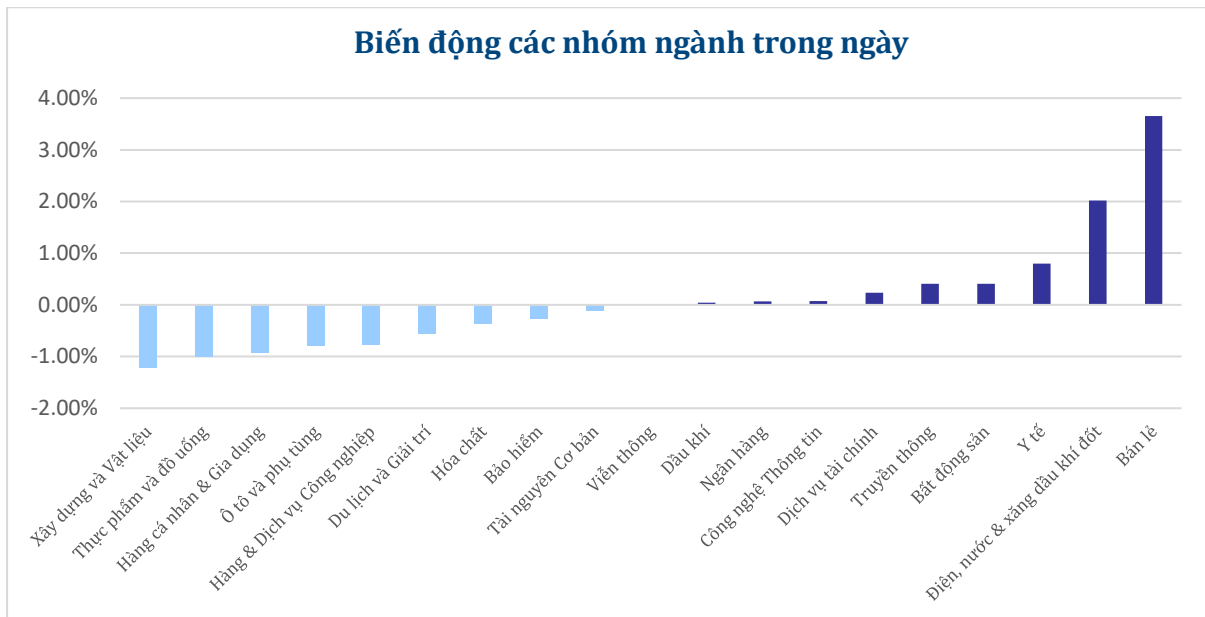


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
DLG	51.69	KBC	1,243.4	TDH	523%	MWG	5.0%	BII	-10.0%
ROS	40.12	HPG	914.5	LHG	472%	HCM	3.8%	DGC	-7.0%
FLC	39.98	TPB	734.4	DLG	395%	KBC	3.6%	HQC	-6.9%
HQC	39.39	DGC	570.9	CSV	344%	TPB	3.6%	VOS	-6.8%
ITA	33.19	IJC	513.4	ROS	329%	IJC	3.0%	FLC	-4.2%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày

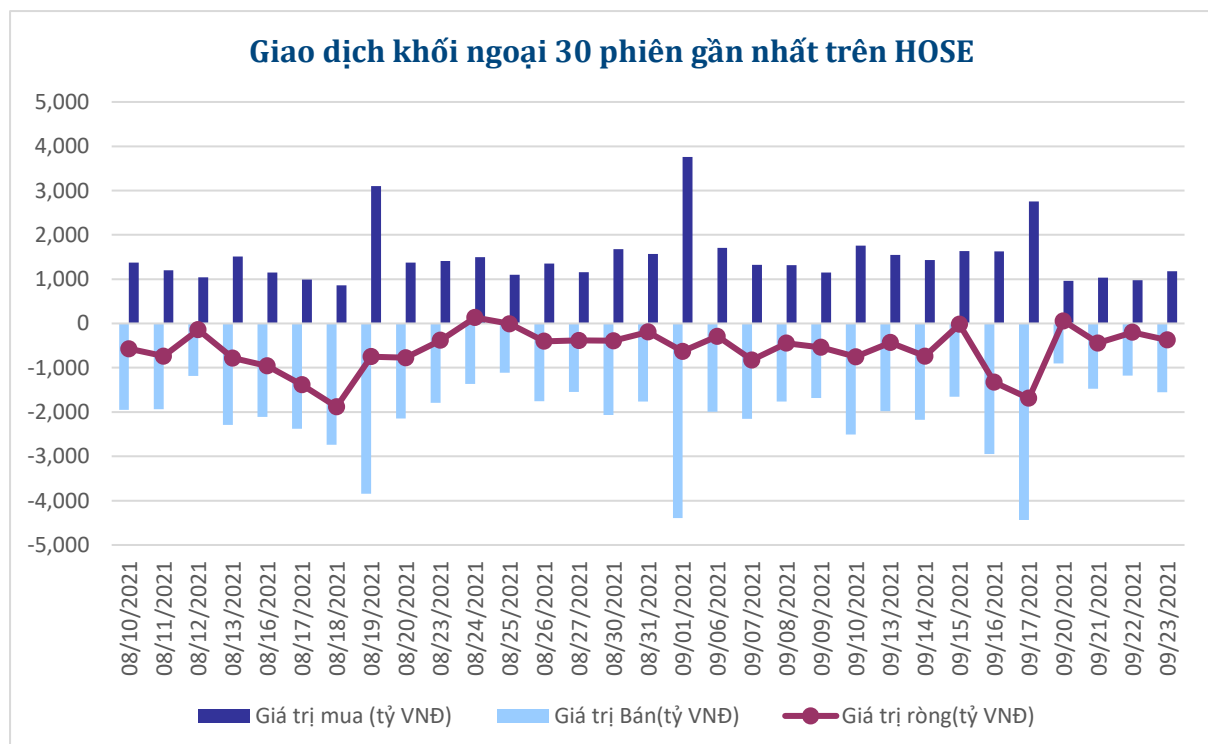




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 374 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 34.07 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
MBB	75.14	HPG	89.74
CTG	60.89	KBC	68.99
VND	41.86	DGC	59.13
KDH	29.76	MSN	58.71
VCB	29.17	CSV	56.65





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: www.ivs.com.vn		